



V? QUA TRINH T? C? L?P LANG ? H??NG VINH

著者	Nguyen Quang Trung Tien
journal or publication title	CULTURE AND HISTORY OF HUE FROM THE SURROUNDING VILLAGES AND OUTSIDE REGIONS
page range	10-28
year	2010-03-26
その他のタイトル	Formation of villages in Huong Vinh H??ng Vinh社の立村過程
URL	http://hdl.handle.net/10112/3424

VỀ QUÁ TRÌNH TỰ CƯ LẬP LÀNG Ở HƯƠNG VINH (Formation of villages in Huong Vinh)^(*)

I. Vài nét về tự nhiên và dân cư

Hương Vinh là một xã đồng bằng nằm về phía đông của huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, cách trung tâm thành phố Huế 4 km về phía bắc, trong vùng tọa độ 16°31'11" vĩ độ bắc và 107°28'18" kinh độ đông. Phía bắc Hương Vinh giáp với xã Quảng Thành huyện Quảng Điền, ranh giới là sông Bồ; phía đông giáp với xã Phú Mậu huyện Phú Vang, ranh giới là sông Hương; phía nam giáp với các phường Phú Bình, Phú Thuận thành phố Huế, ranh giới là sông Đào; phía tây giáp phường Hương Sơ thành phố Huế và xã Hương Toàn huyện Hương Trà.

Nằm trên dải đồng bằng nhỏ hẹp, Hương Vinh có diện tích tự nhiên chừng 721,50 ha, trong đó đất nông nghiệp 387,54 ha, đất phi nông nghiệp 333,90 ha. Thiên nhiên ưu đãi cho Hương Vinh nguồn nước ngọt dồi dào với hệ thống sông nước bao quanh gồm sông Đào ở phía nam, sông Hương ở phía đông, sông Bồ ở phía bắc. Từ sông Hương, sông Bồ, nhiều lạch nước chảy qua địa phận của xã. Nhờ đó, Hương Vinh có những cánh đồng bằng phẳng, màu mỡ bởi sự bồi đắp phù sa thường xuyên. Vào mùa khô, nhiều hệ thống kênh mương dẫn nước vào các đồng ruộng, nên phần lớn ruộng đủ nước cho một năm 2 vụ.

Do Hương Vinh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, lắm nắng nhiều mưa, nên gây ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất nông nghiệp. Mùa khô, nắng nóng diễn ra từ tháng 3 đến tháng 8 trùng với gió mùa Tây-Nam, Đông-Nam. Số giờ nóng bình quân hằng ngày là 6,5 giờ, ngày nắng nhiều nhất đạt đến 9,9 giờ. Nắng gay gắt nhất diễn ra từ tháng 5 đến tháng 7, thỉnh thoảng có những trận mưa dông. Nhiệt độ trong vùng bắt đầu lên cao từ tháng 4 và lên

^(*) **GVC. Nguyễn Quang Trung Tiển, Trường Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế** (Dean, Faculty of History, Hue University of Sciences)



Không ảnh khu vực Hương Vinh
(Nguồn:02AUG02032647-S2AS-052188396010_01_P001.2009)

cao nhất vào tháng 6, tháng 7. Từ giữa tháng 7 trở đi, gió Tây-Nam thổi nóng, khô, gây không ít khó khăn cho đời sống.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 năm trước đến tháng 1 năm sau và kéo theo gió mùa Đông-Bắc. Gió này có khi rất mạnh và thường

xuyên mang theo không khí lạnh, mưa dầm, nhất là từ tháng 12 trở đi. Mưa nhiều nhất vào tháng 9, 10, 11. Trong ba tháng này lượng mưa nhiều gấp đôi những tháng còn lại trong năm.

Hương Vinh nằm trong vùng khí hậu chung của khu vực Thừa Thiên Huế, với đặc điểm chênh lệch về nhiệt độ giữa các mùa tương đối lớn, nhiệt độ trung bình trong năm 24^o3; ở mùa nóng, vào thời điểm cao nhất nhiệt độ có khi lên đến gần 40^o; ở mùa rét, vào thời điểm thấp nhất, nhiệt độ xuống gần 10^o.

Dân số xã Hương Vinh năm 2009 là 13.093 người¹, cư trú trong 9 thôn. Dân cư ở Hương Vinh chia làm nhiều bộ phận theo ngành nghề, gồm nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, ngư nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng và các ngành nghề khác.

Ngoài sản xuất nông nghiệp, Hương Vinh còn phát triển nhiều ngành nghề như xóm rèn Bao Vinh; mộc mỹ nghệ, cưa xà cừ ở Địa Linh, La Khê; sản xuất vật liệu xây dựng, mặt hàng sản phẩm gạch ngói truyền thống ở Triều Sơn Nam, Triều Sơn Đông, xóm lò Thủy Phú. Đặc biệt đường giao thông ở địa bàn Hương Vinh đi lại thuận lợi, tiếp giáp với nhiều xã lân cận và thành phố Huế, nên kinh doanh buôn bán hoạt động mạnh ở hầu khắp toàn xã, nhất là thôn Bao Vinh có chợ Bao Vinh từ lâu đã trở thành trung tâm buôn bán sầm uất. Vì thế, vùng đất Hương Vinh không chỉ phát triển nông nghiệp, mà còn là một xã có thế mạnh về sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

Về phân bố dân cư, điểm dân cư thôn Bao Vinh và Triều Sơn Đông tương đối lớn nhất về nhân khẩu. Các thôn có số lượng phân bố dân cư tương đối đồng đều nhau là Thế Lại, Địa Linh, La Khê, Triều Sơn Nam, có từ 1.200-1.700 dân. Ở các thôn như Minh Thanh, Thủy Phú, và đặc biệt đội 12B là khu dân cư mới được thành lập năm 1983, nên mật độ phân bố dân cư ở đây thấp hơn.

II. Về quá trình tụ cư lập làng

Thời Bắc thuộc, từ năm 179 trước Công Nguyên đến thế kỷ thứ II, xã Hương Vinh là vùng đất thuộc quận Nhật Nam. Năm 192,

¹ Theo số liệu thống kê huyện Hương Trà năm 2009.

Khu Liên cùng nhân dân Chăm pa nổi dậy đánh đuổi quân Trung Quốc ra khỏi quận Nhật Nam, giành nền độc lập, từ đó quận Nhật Nam trở thành lãnh thổ nước Lâm Ấp. Khoảng từ thế kỷ IV, Hương Vinh nằm trong địa bàn phía bắc của vương quốc này mà về sau được gọi là châu Lý.

Năm 1306, vua Chăm pa là Chế Mân đem hai châu Ô và Lý làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân nhà Trần. Từ đây hai châu Ô và Lý thuộc Đại Việt, được vua Trần đổi tên thành Thuận Châu, Hóa Châu năm 1307. Hương Vinh từ đây thuộc vùng đất Hóa Châu.

Thời nhà Minh cai trị đầu thế kỷ XV, Hóa Châu thuộc phủ Thuận Hóa, được chia thành 7 huyện là Lợi Bông, Sạ Lệnh, Tư Dung, Bồ Đài, Bồ Lãng, Sĩ Vang, Trà Kê². Đến thế kỷ XIV-XV, có thêm sự hiện diện cộng đồng cư dân Việt. Đồi Lê, các làng thuộc xã Hương Vinh như Thế Lại, Triều Sơn (Đông, Nam), Địa Linh, Bao Vinh, La Khê đã có tên trong 60 xã thuộc huyện Kim Trà và 67 xã thuộc huyện Tư Vinh, phủ Triệu Phong, thừa tuyên Thuận Hóa..

Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, huyện Kim Trà lại được đổi tên là Hương Trà. Năm 1802 vua Gia Long dựng Kinh đô ở Phú Xuân, Hương Trà được chia thành 6 tổng là Hương Càn, An Ninh, Vĩnh Trị, Phú Ốc, Long Hồ, Phú Xuân, lúc đó Hương Vinh nằm trong tổng Vĩnh Trị. Sau năm 1945, Hương Vinh là một xã thuộc huyện Hương Trà cho đến ngày nay.

Như vậy, trước năm 1306, người Chăm đã có mặt ở đây sinh sống và xây dựng xóm làng. Đến thế kỷ XIV-XV, có thêm sự hiện diện cộng đồng cư dân Việt. Tuy vậy công cuộc mở đất dựng làng có quy mô rộng lớn phải kể từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa từ giữa thế kỷ XVI. Cư dân vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh và đồng bằng Bắc Bộ đã theo chúa Nguyễn di cư vào khai phá đất đai, tạo lập làng mới.

Những người đến lập nghiệp đã lao động hăng say, khai hoang vỡ đất, dần dần xây dựng được vùng quê trù phú. Tại vùng đất Hương Vinh, những tên làng ngày xưa như Thanh Hà vốn là một khu phố

² Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 38-39.

thương cảng, là nơi giao lưu buôn bán của xứ Đàng Trong, trở thành “điểm hẹn” cho kẻ bán người mua, thuyền buôn lớn nhỏ mọi nơi qua cửa biển theo dòng sông Hương vào xứ Huế. Liên với Thanh Hà là phố cổ Bao Vinh, một trong những nơi hoạt động thương mại, thương cảng của Huế thời các chúa Nguyễn.

Quá trình di cư lập nghiệp hình thành làng xã ở Hương Vinh diễn ra trong tiến trình lịch sử lâu dài, gắn liền với việc mở mang bờ cõi về phương Nam của nhà nước Đại Việt. Theo các dòng họ cư trú ở xã Hương Vinh, người Việt tụ cư lập nghiệp ở đây sớm nhất vào ở thế kỷ XIV. Công cuộc mở đất dựng làng có quy mô rộng lớn kể từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa, còn những người đến muộn nhất là vào khoảng đầu thế kỷ XIX.

Bên cạnh đó, còn có sự di cư của người Hoa đến trú ngụ trên vùng đất Hương Vinh vào khoảng thế kỷ XVII, và họ tự nguyện nhập tịch Việt, được chúa Nguyễn chính thức thành lập làng Minh Hương cho những người Hoa sinh sống và lập nghiệp.

Qua tư liệu lịch sử, gia phả, truyền thuyết và các tư liệu điền dã thu thập được ở các làng Thế Lại Thượng, Bao Vinh, Địa Linh, La Khê, Minh Thanh, Triều Sơn Nam, Triều Sơn Đông, Thủy Phú, chúng ta có thể dựng lại khái quát quá trình tụ cư lập làng ở xã Hương Vinh như sau

1. Làng Thế Lại

Thế Lại hình thành khoảng thế kỷ XV, là một xã đã có tên trong sách *Ô Châu cận lục* do Dương Văn An viết năm 1553. Về sau, theo sách *Phủ Biên tạp lục* của Lê Quý Đôn viết năm 1776, thì xã Thế Lại chia thành hai làng Thế Lại Thượng và Thế Lại Hạ. Cuối thế kỷ XVIII, làng Thế Lại Thượng có vị trí nằm trong Kinh thành Phú Xuân. Đến năm 1805 vua Gia Long xây dựng Kinh thành, làng Thế Lại Thượng bị trưng dụng 152 mẫu ruộng; đổi lại làng Thế Lại Thượng được nhận 120 mẫu tại thành Hóa Châu (nay thuộc xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền). Thế Lại có nhiều dòng họ cư trú như Trần Quốc, Trần Công, Ngô Phi, Ngô Kim, Lê Quang, Nguyễn Văn, Phạm Văn, Mai Văn, Trần Đại...

Xét về các vị tiền khai canh, hậu khai khẩn, theo lời kể của người trong làng thì họ Hồ là họ khai canh. Ngày nay trên đất làng Thế Lại có miếu thờ Ngài Khai canh của làng. Vị được thờ trong miếu chính là Hồ Đại tướng quân và vợ con của ông với bài vị: “Bổn thổ Khai canh Thành hoàng Võ Nhuệ Hồ Đại tướng quân”, sắc tặng “Dực Bảo Trung hưng Linh phò Đaoan túc Tôn thân”, “Trịnh Phu nhơn Tôn nương đồng nhị vị Công tử Hồ Nhất lang, Hồ Nhị lang chi vị”.

Ngày nay hai làng Thế Lại Thượng và Thế Lại Hạ thờ chung vị tướng đó. Trên đất còn ở 120 mẫu tại thành Hóa Châu thuộc xã Quảng Thành huyện Quảng Điền có lăng mộ Hồ Đại tướng quân. Hằng năm, dân làng tổ chức tảo mộ vào ngày 24 tháng 12 âm lịch.

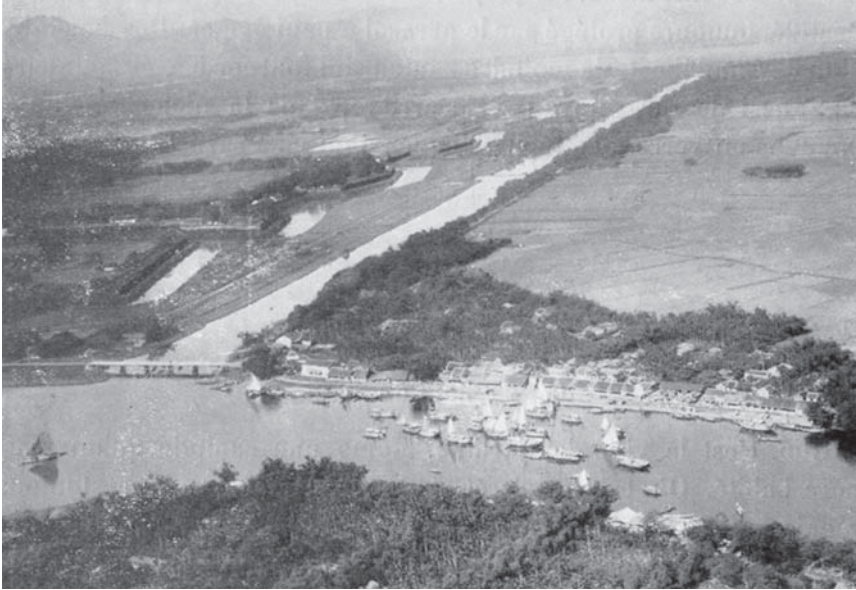
Về hậu khai khẩn, nếu như dựa vào “Kiến canh điền châu bộ” được lập vào năm 1803, do Xã trưởng Phạm Văn Thành, Hương mục Ngô Kim Lý, Xâu trưởng Ngô Phi Đạt, đứng ra lập, thì Nguyễn Đắc Thiện và Ngô Kim Lý là những người có công với làng Thế Lại và được nhân dân tôn làm hậu Hiền Khai khẩn.

Theo lời kể của ông trưởng họ Ngô tên Lâm, vào năm 1805, khi xây dựng Kinh đô Phú Xuân, làng Thế Lại Thượng bị tịch thu 152 mẫu ruộng, nhưng do nhân dân trong làng không chịu nhượng đất, ban Hương mục phản đối, nên đều bị triều đình bắt nhốt vào ngục. Lúc này Ngài Ngô Kim Lý làm cố vấn cho ban Hương mục đã viết tấu trình dâng lên vua Gia Long, xin trả lại tự do cho ban Hương mục, đồng thời xin cho làng một mảnh đất khác thay vào đó. Vua Gia Long thuận cho, ông liền cùng với Ngài Nguyễn Đắc Thiện và dân làng đi về Thành Trung khai hoang lập làng hơn 115 mẫu, ổn định làm ăn ở đây. Với công trạng đó Nguyễn Đắc Thiện và Ngô Kim Lý được dân làng tôn vinh là hậu Hiền Khai khẩn.

2. Làng Bao Vinh

Bao Vinh được bao bọc bởi hệ thống sông Hương phía đông, sông Đào phía đông nam, bên kia bờ sông Hương đối diện với Bao Vinh là ốc đảo Phú Mậu, xa xa về phía hạ lưu là cồn nổi Triều Sơn và cồn bé Minh Thanh. Những yếu tố thiên nhiên có sẵn, kết hợp với

những yếu tố do con người tạo ra làm cho Bao Vinh trở thành cảng thương mại, buôn bán của đô thành Phú Xuân dưới thời chúa Nguyễn.



Phố cảng Bao Vinh năm 1920 (Ảnh tư liệu)

Làng Bao Vinh có từ khoảng thế kỷ XV, gồm các tộc cư trú là Phạm, Ngô, Lê; và sau đó có các dòng họ người Việt gốc Hoa như họ Âu, họ Vĩnh, họ Vương...

Ngoài ba họ “tiên khai canh, hậu khai khẩn” trên, về sau thêm phái họ Nguyễn (trong thập nhị tôn phái). Theo gia phả phái nhì là họ Nguyễn Viện (người giữ gia phả là ông Nguyễn Bích), tính đến nay đã qua 10 đời. Ngài Thủy tổ Nguyễn Văn Nhiệt quê quán Thanh Hóa vào lập nghiệp. Sau này khi Bao Vinh trở thành trung tâm buôn bán dưới thời Nguyễn, thì hàng loạt cư dân các vùng phụ cận ở Thừa Thiên, Quảng Trị cũng như từ các tỉnh khác đến lập nghiệp.

Con cháu ba họ Phạm, Ngô, Lê và 12 phái được xem là dân chính cư cũng đều được hưởng quyền lợi ruộng đất công của làng. Trước đây, sự phân chia đất đai trong làng được tiến hành theo tỷ lệ 3/2, tức là mỗi người trong ba họ chính được nhận 3 sào còn mỗi

người trong 12 phái được nhận 2 sào. Tỷ lệ này được phá bỏ kể từ sau năm 1945.

3. Làng Địa Linh

Danh từ Địa Linh được dùng để đặt tên làng hàm ý gợi lên cho người dân ở đây cái nhìn sâu xa về ý nghĩa của mảnh đất mà họ đang sống. “Địa” có nghĩa là đất, “linh” nghĩa là linh thiêng, mảnh đất thiêng mà trời đã tạo ra cho họ. Làng Địa Linh còn có tên gọi khác là Trạc Linh.

Địa Linh hình thành vào khoảng thế kỷ XV. Trong *Ô Châu cận lục* do Dương Văn An viết năm 1553, Địa Linh có tên trong 67 xã thuộc huyện Tư Vinh. Nằm về phía tây sát ranh giới Địa Linh, một vùng đất khác cũng có tên trong huyện Tư Vinh là thôn La Khê, đều nằm trong địa bàn phủ Triệu Phong. Có thể Địa Linh và La Khê đều hình thành cùng thời với nhau, khoảng thế kỷ XV đã có.

Cư dân làng Địa Linh ngày nay sinh sống ở các xóm: Xóm 1 (Ngũ Tượng), Xóm 2 (Nam Hà), Xóm 3 (Đông Thành), dọc hai bên tỉnh lộ 4, nơi ngày xưa là cửa ngõ thông thương giữa hai phố Thanh Hà và Bao Vinh. Thời bấy giờ Địa Linh là một trong những trạm truyền đê công văn quan trọng (gọi là Trạm Phố chính). Dân Địa Linh không sinh sống bằng nông nghiệp, mà khoảng 50% dân sống chủ yếu bằng nghề buôn bán nhỏ, chừng 50% làm các ngành nghề mộc mỹ nghệ và một bộ phận nhỏ làm các ngành nghề khác như nề, may... Địa Linh hiện có các họ cư trú là Lê, Trương Văn, Nguyễn Văn, Hoàng Ngọc, Trần Văn, Lý...

Trừ họ Nguyễn Văn, Ngải Thủy tổ Nguyễn Văn Trà quê quán Thanh Hóa vào Quảng Trị sinh sống trước, rồi mới từ Quảng Trị vào Địa Linh, hiện nay được 10 đời; các họ còn lại ở Địa Linh vốn từ các vùng khác đến cư trú khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, như họ Hoàng Ngọc người Quảng Trị, họ Trần Văn người Mỹ Chánh...

4. Làng La Khê

Dưới thời nhà Lê thế kỷ XV, xã La Khê có tên trong 67 xã thuộc huyện Tư Vinh, nằm trong địa phận Hóa Châu và một trong 5 huyện

thuộc phủ Triệu Phong. Năm 1558, Đoan Quốc công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, làng La Khê nằm trong tổng Mậu Tài huyện Phú Vang. Từ 1818-1820, La Khê sáp nhập vào tổng Vi Dạ.

La Khê trước đây có tên gọi là La Khê Bột, đến năm 1976 đổi thành La Khê. Theo nhân dân địa phương, làng La Khê vốn có năm làng khác nhau nhưng cùng chung một gốc. Đó là La Khê Bột (xã Hương Vinh), La Khê Trẹm (xã Hương Thọ), La Khê Bình Lai Bải (xã Hương Thọ), La Khê Châu Ê (xã Thủy Bằng), La Khê Truồi (huyện Phú Lộc).

Làng La Khê nằm giữa cánh đồng với những thửa ruộng nối liền nhau bất tận. Đường làng dẫn từ đường cái lớn tỉnh lộ 4 chạy thẳng rồi xuyên qua cổng làng, không chỉ có một trục mà được tách ra nhiều nhánh, mỗi nhánh đi vào một xóm, chung quanh làng có lũy tre xanh bao bọc. Làng La Khê còn có hai con hói: hói Đường Quan chạy dài từ làng Tri Lễ chảy qua làng La Khê, hói Cồn Bù có chín khúc cong, ôm choàng lấy thôn La Khê. Những con hói này vừa phục vụ nước sinh hoạt hàng ngày của người dân, đồng thời là nguồn nước tưới cho đồng ruộng.

Dân cư La Khê sinh sống theo nhiều ngành nghề khác nhau, đông nhất là làm nghề nông, rồi nghề thủ công nghiệp truyền thống (nghề mộc dân dụng, nghề cưa xà cừ...), số còn lại làm nê, may, buôn bán hàng rong.

Có hai mươi họ tộc cư ngụ ở làng La Khê, gồm Trần, Nguyễn Công, Lê, Trịnh, Hồ (hai họ Trịnh, Hồ sau đó vô tự), Trương Duy, Huỳnh, Võ, Cung Trọng, Nguyễn Thượng, Phan Văn, Lương Văn, Nguyễn Văn, Hồ, Nguyễn Văn (trước đó chữ lót là Nguyễn Đạm), Trần Quang, Nguyễn Thanh, Đỗ Văn, Đặng.

Ngoài họ khai canh là Trần và khai khẩn là Nguyễn Công và họ Lê, còn có 17 họ khác tự cư ở đây trong nhiều thế kỷ. Tất cả đều là dân chính cư, cũng được hưởng quyền lợi về ruộng đất như các họ khác của làng.

Ở La Khê còn có một dòng họ người Việt gốc Hoa là họ Cung. Ngài Thủy tổ họ Cung là Cung Văn Minh, quê quán tại huyện Phan

Ngung, tỉnh Quảng Đông. Trước đây họ Cung ở tại làng Minh Hương, về sau dời vào làng La Khê cư ngụ, ước tính cho đến nay họ Cung đã qua 18 đời ở vùng đất này.

Ngày nay, tại chính điện đình làng La Khê thờ 3 họ “Tiền khai canh, Hậu khai khẩn” là Trần, Lê, Nguyễn Công thần, với các sắc phong:

“Dực Bảo Trung hưng Linh phò Bồn thổ Khai canh Trần Đại lang Tôn thần”.

“Dực Bảo Trung hưng Linh phò Khai khẩn tự lập Gia Tăng Đoan túc Lê Đại lang Tôn thần”.

“Dực Bảo Trung hưng Linh phò Lê Triều, Đô chỉ huy sứ Thiên sự Nguyễn Phủ Nguyễn Tôn thần”.

Ngoài án chính, hai bên tả hữu là án thờ 17 họ khác của làng.

Dân cư ngày nay tại làng La Khê sinh sống tập trung trong 4 xóm: Xóm Đình Ngụ, Xóm Trung, Xóm Giữa, Xóm Rảo (nay thuộc thôn Minh Thanh).

5. Làng Minh Thanh

Trước đây Minh Thanh gồm hai làng Thanh Hà và Minh Hương, năm 1962 hai làng sáp nhập lại thành làng Minh Thanh. Bởi vậy làng Minh Thanh gồm hai làng gốc: Thanh Hà và Minh Hương.

5.1. Làng Thanh Hà

Thanh Hà là phố cảng ra đời từ thế kỷ XVI, nay thuộc làng Minh Thanh và một phần nhỏ thuộc đất làng Địa Linh. Từ thế kỷ thứ XVIII trở về trước, Thanh Hà là một trung tâm buôn bán lớn của xứ Thuận Hóa. Nhưng lợi thế đó đã mất đi gần 200 năm nay. Ngày nay Thanh Hà trở lại vùng nông thôn nông nghiệp như bao làng quê cổ truyền của Việt Nam.

Làng Thanh Hà được thành lập trên cơ sở của quá trình di cư của các họ phái gốc Việt từ Bắc vào. Đó là họ Lương, Lê, Nguyễn Văn, Đặng. Hiện nay các họ Lương, Lê, Nguyễn chỉ còn một số hộ sinh sống tại làng.

Đối chiếu trong gia phả họ Lê, Ngài Thủy tổ là Lê Tấn Duyên, nguyên gốc người vùng Thanh Hóa vào từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh (giữa thế kỷ XVI) và tiến hành khai canh lập làng ở đây. Do lập cư muộn nên làng Thanh Hà mất hẳn ưu thế của một dân cư sống trong vùng nông nghiệp. Từ ngày thành lập làng, cư dân Thanh Hà chủ yếu sống bằng nghề buôn bán, chỉ một ít làm nghề nông và số ít tham gia công việc nhà nước. Với vị trí trên bên dưới thuyền thuận lợi, cư dân vốn có truyền thống buôn bán, nên Thanh Hà đã là nơi hội tụ của một chợ làng góp mặt dân cư của nhiều xã lân cận đến để trao đổi hàng hóa.

Sự lớn lên của thương nghiệp Thanh Hà gắn liền với sự lớn mạnh của xứ Đàng Trong. Dưới thời chúa Nguyễn, thương nhân nước ngoài nhất là người Hoa thường đến Thanh Hà, từ đó Thanh Hà trở thành một thương cảng thu hút nhiều tàu buôn lớn của Trung Quốc, Nhật Bản, và các nước phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Hà Lan. Trong thời kỳ thịnh đạt, phố Thanh Hà phần lớn nằm trong tay Hoa thương, nên được gọi là “Đại Minh khách phố”.

Về mặt hành chính, buổi đầu phố Thanh Hà trực thuộc phố Hội An ở Quảng Nam. Đến thời Tây Sơn 1786-1801, Thanh Hà mới tách riêng thành đơn vị hành chính độc lập gọi là “Minh Hương xã-Thanh Hà phố”. Đầu thế kỷ XIX triều Nguyễn đặt làm Thanh Hà - Chợ Dinh nhị phố Minh Hương xã, một đơn vị hành chính độc lập. Như vậy, vào khoảng thế kỷ XVII bên cạnh làng Thanh Hà của người Việt lại xuất hiện một làng mới là làng Minh Hương của người gốc Hoa.

Do nhu cầu chính trị, quân sự của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, đồng thời do yêu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhất là việc phát triển kinh tế thương nghiệp liên quốc gia ở Đông Nam Á; chúa Nguyễn quyết định thành lập cảng Thanh Hà và chính thức thừa nhận vào năm 1636, lúc chúa Nguyễn Phúc Lan dời phủ từ làng Phước Yên huyện Quảng Điền vào đóng ở Kim Long (thành phố Huế) hiện nay. Phố Thanh Hà phát triển trên cơ sở sự phồn thịnh của bên cảng và chợ Thanh Hà. Thanh Hà trong thế kỷ XVII chỉ là hai dãy phố lợp

bằng tranh đơn sơ nằm về phía tây con đường làng Minh Thanh hiện nay, hướng chính quay mặt qua bờ sông Hương. Sau khi có được đất bãi bồi, họ dựng lên dãy nhà đối diện, lấy con đường làng Thanh Hà làm phố chính quay lưng lại bờ sông. Đến năm 1700 họ mới được phép xây phố bằng gạch là lợp ngói để tránh hỏa hoạn. Phố bao gồm những cửa hàng, những đại lý nhập khẩu, cả những nhà kho thuê dành cho các thương khách ở xa, chủ yếu là thương nhân Trung Quốc mới đến, hoặc thương nhân giữa hai mùa mậu dịch tháng 10 và tháng 11 cuối năm đến tháng 4 và tháng 5 năm sau.

Cảng Thanh Hà ra đời nằm bên cung phủ Kim Long nhằm đáp ứng kinh tế trong và ngoài nước. Cảng Thanh Hà nằm trên tả ngạn sông Hương, cách cửa Thuận An 10km, là nơi lòng sông rộng và sâu, thẳng bờ kín gió, đạt được điều kiện thiên nhiên lý tưởng cho hoạt động bến cảng thuận lợi. Về sau, do sự bồi tụ của dòng sông Hương, các thương thuyền không thể ghé vào cập bến được, phố cảng Thanh Hà dần dần bị tàn lụi, những thương nhân Hoa Kiều phải dời đến những vùng khác để sinh sống. Theo tư liệu thì một bộ phận dời lên Bao Vinh liền kề với Thanh Hà lập phố mới, còn một bộ phận dời lên phố Gia Hội (nay là Chi Lăng, Bạch Đằng).

Hiện nay Bao Vinh còn dáng dấp của một khu phố cổ với gần 20 nóc nhà của người Hoa còn được bảo lưu, phảng phất bóng dáng của phố cổ Thanh Hà xưa cũ. Chứng tích cảng Thanh Hà còn lại là một cồn nhỏ diện tích 10 mẫu chạy dài từ Minh Hương về tới Triều Sơn Nam.

5.2. Làng Minh Hương

Vào giữa thế kỷ XVII, cuộc chiến tranh giữa nhà Thanh và hậu duệ nhà Minh ở Trung Quốc xảy ra quyết liệt. Một số quan tướng triều Minh sau khi thất bại không chịu thần phục vương triều mới, tìm cách di tản ra nước ngoài, tạo ra một làn sóng nhập cư ồ ạt của người Hoa đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Đàng Trong thời các chúa Nguyễn.

Trong những năm 1645 đến 1862, các cự thân nhà Minh như Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, Mạc Cửu, đã đến Đàng

Trong với trên 60 chiếc thuyền lớn và hơn 50.000 người, trong đó một số đã đến Thanh Hà. Với nguyện vọng tha thiết muốn định cư vĩnh viễn trên quê hương thứ hai, tự nguyện nhập tịch Việt, các chúa Nguyễn đã cho phép những người Hoa này định cư ở những phố riêng, lập thành xóm Minh Hương, có tên “Minh Hương xã Thanh Hà phố”. Hiện nay dân làng Minh Hương gồm các họ Trần Tiền, Nhan Đại, Lâm, Lư, Lê, Lý, Hồng, Hoàng, Cam.

Khi những Hoa kiều mới vào xin định cư lập nghiệp, họ đã sống chung cùng với người Việt ở đây. Người Minh Hương luôn có ý thức trong sự nghiệp làm giàu từ bàn tay trắng. Từ ý thức đó, họ dần dần ổn định vị thế của mình, và hình thành nên những tập đoàn thương gia Hoa kiều giàu có trong vùng. Họ bắt đầu dùng tiền của tiến hành những cuộc mua bán ruộng đất. Ký ức của người Thanh Hà còn nhớ rõ vụ bán đất do một người trong làng vì cờ bạc, nợ nần, nên mang bán cho Hoa kiều một khoảnh đất quan trọng ở vị trí mặt tiền của làng nằm ven sông Hương, nơi được nhân dân chọn xây dựng đình làng. Trong hồ sơ lưu trữ của làng Minh Hương cũng cho biết, vào năm 1657 (niên hiệu Thịnh Đức thứ 5 đời vua Lê Thần Tông), chúa Nguyễn Phúc Tần thi ân cho lập phố tại điền thổ thuộc làng Thanh Hà và Địa Linh 1 mẫu 2 sào 5 thước 4 tấc, đó chính là cái rốn đất nổi tiếng của phố Thanh Hà. Theo một niên biểu tạm chấp nhận được, năm 1685 Hoa thương lập Thiên Hậu Cung (còn gọi là Chùa Bà) ngay trên địa điểm cư trú, buôn bán của mình để làm nơi tế tự cho các Hoa kiều, và cũng lấy nó làm mốc giới phía bắc cho phố Thanh Hà ngày trước. Bên cạnh Thiên Hậu Cung đồ sộ của người Minh Hương, lại có đình làng Thanh Hà, dấu vết kiến trúc xưa nhất, là mảnh đất thánh của dân làng Thanh Hà còn lại. Về phía nam của làng Minh Hương, giáp với đất Địa Linh, có bãi đất được lưu truyền là chợ Thanh Hà.

Tất cả những dẫn liệu trên cho phép chúng ta kết luận rằng đất của làng Minh Hương chủ yếu là đất Thanh Hà và một ít đất của làng Địa Linh. Điều đó cắt nghĩa vì sao Thanh Hà ngày nay chỉ còn lại một xóm nhỏ, khiêm tốn ẩn mình sau lũy tre làng Minh Hương.

Sau khi mua đất của làng Thanh Hà, Địa Linh lập phố, Hoa thương lập Đền thờ Quan Thánh (còn gọi là Chùa Ông) ở vị trí phía nam của phố để làm đền thờ chung, và cũng lấy đó làm mốc giới cho phần đất của mình. Chùa Ông bây giờ thuộc làng Địa Linh sau lần thừa kiện thắng lợi của dân làng dưới thời Tây Sơn.

Người Hoa đến Minh Hương chủ yếu từ các tỉnh nam Trung Hoa như Quảng Đông, Phúc Kiến. Trên những chiếc Long Đĩnh được làm vào năm Càn Long thứ 45 đời nhà Thanh (1780) đặt tại sân Chùa Ông, những ghi chú đã cho biết họ vốn từ các phủ Quỳnh Châu và Triều Châu đến đây lập nghiệp. Trong các ngôi nhà dọc ở Chùa Bà còn bảo lưu câu đối cũng cho chúng ta biết rõ hơn về những cư dân này: họ ở Quỳnh Châu, Triều Châu, Quảng Châu đến lập nghiệp.

Theo sự ghi chép trong gia phả của họ Trần tại thôn Minh Thanh, đây là họ có mặt sớm nhất trên đất làng Minh Hương. Nói đúng hơn, họ Trần là Tiên Khai canh Hậu Khai khẩn làng Minh Hương, theo gia phả được soạn thảo vào mùa thu năm Kỷ Sửu (1949). Nội dung gia phả họ Trần có ghi đấng Thủy tổ và Nhị Thế tổ nguyên từ đất Đại Thanh kế tiếp qua Đại Nam. Ngài Thủy tổ Trần Dương Thuận sinh ngày 12 tháng 8 năm Vạn Lịch thứ 39 đời nhà Minh (1611), nguyên tịch Đại Minh tỉnh Phúc Kiến, phủ Thương Châu, huyện Long Khê, xã Ngọc Châu Thượng; mất ngày 12 tháng 4 năm Mậu Thìn đời nhà Thanh năm Khang Hy thứ 27 (1688). Đời thứ 7 Văn Nghị Công Trần Tiễn Thành làm quan dưới triều Nguyễn là một trong tứ trụ triều đình thời vua Tự Đức. Trong gia phả có đoạn ghi: “Làng Minh Hương ta nguyên trước không có ruộng công, để chi dụng việc làng, mỗi khi có tế lễ, Ông (tức Trần Tiễn Thành) đã quyên bông mua ruộng sung cúng, cả thảy 37 mẫu (tại làng Hòa An 21 mẫu, tại làng An Quán 10 mẫu, tại làng Triều Thủy 6 mẫu, đặt làm Hương hỏa tư điền của chùa Thiên Hậu Thánh Mẫu”. Về sau năm Bảo Đại thứ 2 (1927) dân làng Minh Hương truy niệm công đức Ngài Trần Tiễn Thành và lập miếu thờ.

Tóm lại, làng Minh Hương cách phía bắc thành phố Huế 3km. Theo đối chiếu vào gia phả và các sự kiện lịch sử trung đại, đây là

một làng được thành lập vào khoảng giữa thế kỷ XVII. Lúc đầu làng lấy tên là Đại Minh khách phố hay “Đại Minh khách thuộc Thanh Hà phố”. Đây là một cảng thị, một khu vực buôn bán nổi tiếng tại miền Thuận Hóa trong khoảng thế kỉ XVII-XVIII.

Như vậy, sự hình thành làng Minh Thanh gắn liền với sự hình thành hai làng Thanh Hà và Minh Hương. Xét về thời gian Thanh Hà được thành lập vào khoảng giữa thế kỷ XVI, cư dân đầu tiên cư ngụ lập làng đều có nguồn gốc Thanh Hóa, Nghệ An. Đối với làng Minh Hương nguồn gốc dân cư đều từ các tỉnh ven biển nam Trung Hoa như Quảng Đông, Phúc Kiến qua sinh sống ở Đàng Trong và thành lập làng Minh Hương vào khoảng giữa thế kỷ XVII. Cả hai làng Thanh Hà và Minh Hương từ năm 1962 đến nay đã được hợp nhất thành làng Minh Thanh.

6. Làng Triều Sơn Nam và Triều Sơn Đông

Làng Triều Sơn Nam và Triều Sơn Đông thực ra là hai giáp trong cùng một làng, vì cư dân ở đây có mối liên hệ về cội nguồn lịch sử, chung một nguồn gốc dân cư, chung một quá trình hình thành và phát triển. Vùng đất này có tên gọi là xã Triều Sơn, một trong 67 xã thuộc huyện Tư Vinh có tên trong sách *Ô Châu cận lục* do Dương Văn An viết năm 1553.

Triều Sơn được thành lập vào khoảng đời vua Lê Nhân Tông giữa thế kỷ XV. Thời các chúa Nguyễn (1558-1775), Triều Sơn gồm 4 làng thuộc tổng Vĩnh Trị huyện Hương Trà. Chiếu theo gia phả của các dòng họ, Triều Sơn được thành lập trên cơ sở 11 họ tộc khai canh lập làng. Gia phả nhiều dòng họ ghi chép rằng tổ tiên nguyên là người xã Bạch Cao, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa thuộc đất Hoan Châu xưa, đến triều Lê Nhân Tông năm Thái Hòa thứ 3 (chiếu theo Dương lịch là năm 1445) di cư đến vùng Thuận Hóa và thành lập nên xã Triều Sơn.

Các họ ở Triều Sơn đều cùng khai canh lập địa, nhưng đến năm 1769, sau 3 lần triệu tập họp bàn, 11 họ quyết định phân chia Triều Sơn gồm 4 giáp: Giáp Đông, Giáp Tây, Giáp Nam, Giáp Trung. Về mặt địa giới hành chính, Triều Sơn Nam, Triều Sơn Đông nằm gần

nhau dọc sông Hương, thuộc về Hương Vinh. Triều Sơn Tây ở hai bên đường quốc lộ I thuộc phường Hương Sơ. Triều Sơn Trung nằm ở xã Hương Toàn.

Ngày nay vẫn còn một ngôi đình chung cho dân của 4 làng Triều Sơn. Đình làng do Ngài Đỗ Văn An làm quan cùng con cháu trong 11 họ xây cất để ghi nhớ công đức các vị tiên bối khai canh, hữu công khai khẩn. Đình được lập tại Triều Sơn Đông, đó là nơi tế lễ chung của 4 thôn Tứ Triều. Hằng năm lễ tế tại đình làng được tổ chức vào ngày 01 tháng 7 Âm lịch, để con cháu có dịp gần gũi đoàn kết, gắn bó nhau.

Triều Sơn Nam có bốn họ chính là Lê, Đỗ, Trần, Phùng (riêng họ Phùng về sau vô tự) và các họ phái đến sau như Phạm, Châu Công, Nguyễn Viêt, Hứa, Nguyễn Duy, Châu Văn, Nguyễn Văn, Hồ, Trần. Các phái họ này có mặt tại Triều Sơn Nam muộn hơn, vào khoảng thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX. Điều này được thể hiện trong gia phả các dòng họ Phạm, Châu Công, Nguyễn Viêt, Nguyễn Duy...

Ở **Triều Sơn Đông**, sau khi phân chia 4 giáp, vào triều Lê Hiến Tông năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), trong 11 họ được phân về các giáp thì tại Triều Sơn Đông có 6 họ Tiên Khai canh, Hậu Khai khẩn. Trước đây con cháu các họ đều tranh chấp về vị trí cao thấp của họ mình, họ đã nhiều lần phát đơn khiếu nại với quan cai trị rông rã 8 năm 3 tháng. Sau đó Bộ Lễ chiếu theo hương phổ và những giấy tờ khác có trong giáp duyệt y thứ tự của các dòng họ là Hoàng, Đỗ, Lê, Hồ, Trần, Mạc, Phùng (vô tự). Điều này đã được sắc phong của vua Thành Thái năm thứ 17 (12-5-1905) là “Dực bảo Trung hưng Linh phổ chi thân” và các đại quan cấp văn bằng chính thức vào năm Duy Tân thứ 8 (ngày 02-4-1914).

7. Làng Thủy Phú

Làng Thủy Phú gồm có hai xóm. Trước năm 1954 hai xóm An Phú và Thủy Tú nằm dọc trong địa hạt xã Hương Đông thuộc tổng Vĩnh Trị huyện Hương Trà. Về sau An Phú và Thủy Tú nhập lại thành ấp Thủy Phú.

Thủy Phú nằm trong địa phận ranh giới của xã Hương Vinh, đồng thời giáp giới giữa hai huyện Hương Trà và Quảng Điền, là nơi gặp nhau giữa hai con sông Bồ và sông Hương, gọi là ngã ba Sinh. Làng Thủy Phú có tổng diện tích đất canh tác 58 mẫu, diện tích ao hồ khoảng 5 sào, phân bố ngành nghề của cư dân ở đây không đồng đều, sinh sống chủ yếu về nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngư nghiệp và buôn bán nhỏ.

Xóm Thủy Tú: Các dòng họ ở Thủy Tú dựng nhà lập xóm vào khoảng thế kỷ XVIII, có 4 họ chính là Lê, Nguyễn Đại, Nguyễn Đăng, Nguyễn Quang; trong đó họ Lê là họ “Tiền Khai canh”, còn Hậu Khai khẩn là các họ Nguyễn Đại, Nguyễn Đăng, Nguyễn Quang. Cả 4 họ ở Thủy Tú đều cùng làm quan đồng triều phò nhà Nguyễn khi Gia Long lên ngôi, và được truy tặng là những vị công thần có công với nhà Nguyễn.

Xóm An Phú: “Tiền Khai canh, Hậu Khai khẩn” của xóm An Phú là hai anh em họ Trần, nguyên người Thanh Hóa, theo Đức Thế tổ Hoàng đế (có lẽ chỉ vua Gia Long) vào Thừa Thiên, ở tại làng An Thành huyện Quảng Điền. Người anh ở làng Thanh Hà (xã Quảng Lộc, nay là Quảng Thành) huyện Quảng Điền. Người em là Thủy tổ Trần Văn Ruộng, không rõ năm sinh, mất ngày 10-1 Âm lịch (không rõ năm), mộ nằm ở Bầu Kho. Sinh thời Ngài làm nghề chài lưới, về sau Ngài mua một mẫu ruộng của làng Triều Sơn Nam để cho con cháu khai canh lập làng sinh sống, và Ngài đặt tên là làng An Phú (“an” là an bình, “phú” là phú quý), tức ước mong con cháu đời đời hưởng phú quý. Họ Trần ở An Phú tính đến nay đã 11 đời, tức vào cuối thế kỷ XVII-đầu thế kỷ XVIII.

Về sau ở An Phú có thêm các họ Cao (nguyên quán Bình Định), Nguyễn Văn, Nguyễn Bá, Phan (nguyên quán Hội An). Những họ này cư trú ở đây vào những năm đầu thế kỷ XX. Khi đến nhập cư, họ đều phải đổi sang họ Trần. Sau năm 1975 các họ mới bỏ họ Trần lấy lại họ của mình.

Hiện nay, về mặt hành chính làng Thủy Phú có hai xóm An Phú và Thủy Tú, giữa hai xóm đều có đình làng riêng, ngày kỵ

riêng. Ở An Phú, đình làng thờ Thành hoàng là Ngài Khai canh, ngày chánh kỵ 30-11 Âm lịch. Tại Thủy Tú, đình làng thờ Ngài họ Lê, hữu ban thờ Ngài Nguyễn Đăng, Nguyễn Quang, tả ban thờ Ngài Nguyễn Đại, ngày chánh kỵ là mùng 9 tháng chạp Âm lịch hàng năm.

III. Kết luận

Giống như nhiều làng xã trong khu vực, các làng xã ở Hương Vinh được thành lập vào khoảng thế kỷ XIV- XV cùng với quá trình di dân mở mang bờ cõi về phương Nam của các triều đại phong kiến Việt Nam, và kéo dài cho đến thế kỷ XIX vẫn còn có sự góp mặt của những cư dân nhập tịch. Vì vậy, việc thành lập các làng xã ở Hương Vinh phải được quan niệm là cả một quá trình lâu dài, với nhiều lớp cư dân đến lập nghiệp trong những khoảng thời gian khác nhau và nguồn gốc địa phương cũng khác nhau.

Có thể dùng bảng kê dưới đây để hình dung rõ nét hơn quá trình hình thành các làng ở xã Hương Vinh trong lịch sử

TT	Tên làng/thôn	Tên xóm/ấp	Mốc thời gian hình thành	Các họ khai canh, khai khẩn, cư trú
1	2	3	4	5
01	Thế Lại		Thế kỷ XV	Hồ, Trần Quốc, Trần Công, Ngô Phi, Ngô Kim, Lê Quang, Nguyễn Văn, Phạm Văn, Mai Văn, Trần Đại
02	La Khê		Thế kỷ XV	Trần, Nguyễn Công, Lê, Trịnh, Hồ, Trương Duy, Huỳnh, Võ, Cung Trọng, Nguyễn Thượng, Phan Văn, Lương Văn, Nguyễn Văn, Hồ, Nguyễn Văn (trước là Nguyễn Đạm), Trần Quang, Nguyễn Thanh, Đỗ Văn, Đặng
03	Triều Sơn Nam		Thế kỷ XV	Lê, Đỗ, Trần, Phùng, Phạm, Châu Công, Nguyễn Viết, Hứa, Nguyễn Duy, Châu Văn, Nguyễn Văn, Hồ,...
04	Triều Sơn Đông		Thế kỷ XV	Hoàng, Đỗ, Lê, Hồ, Trần, Mạc, Phùng

1	2	3	4	5
05	Địa Linh		Thế kỷ XV	Lê, Trương Văn, Nguyễn Văn, Hoàng Ngọc, Trần Văn, Lý...
06	Bao Vinh		Thế kỷ XV	Phạm, Ngô, Lê, Nguyễn Âu, Vĩnh, Vương
07	Minh Thanh	Thanh Hà	Giữa thế kỷ XVI	Lương, Lê, Nguyễn Văn, Đặng
		Minh Hương	Giữa thế kỷ XVII	Trần Tiến, Nhan Đại, Lâm, Lưu, Lê, Lý, Hồng, Hoàng, Cam
08	Thủy Phú	An Phú	Thế kỷ XVIII	Trần, Cao, Nguyễn Văn, Nguyễn Bá, Phan
		Thủy Tú	Giữa thế kỷ XVIII	Lê, Nguyễn Đại, Nguyễn Đăng, Nguyễn Quang

Nhìn chung, đại bộ phận cư dân Hương Vinh là những người Việt ở các vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ theo chủ trương mộ dân, tuyển lính của các triều đại phong kiến đi khai hoang lập làng ở phía nam, và về sau có thêm sự tham gia của những người Hoa và cả những người dân ở các khu vực lân cận nhập cư đến Hương Vinh sinh sống, phát triển xóm làng.

Dù làng được thành lập sớm hay muộn, dù người Việt hay gốc Hoa, thì nhân dân các làng ở xã Hương Vinh đã cùng chung lưng đấu cật, đoàn kết yêu thương, cùng nhau lao động sản xuất xây dựng quê hương, phát triển kinh tế, văn hóa, cùng nhau chung góp sức người, sức của bảo vệ vững bền nền độc lập, tự do của quốc gia, dân tộc.